

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Số: 06 /KL-HĐTĐG

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ
Đối với giá tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Kính gửi: Sở Tài chính

Căn cứ các Quyết định: số 770/QĐ-THADS ngày 08/12/2025, số 887/QĐTHADS ngày 17/12/2025 của Trưởng Thị hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-STC ngày 05/02/2026 của Sở Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-STC ngày 25/02/2026 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Quyết định số 1038/QĐ-STC ngày 26/02/2026 của Giám đốc Sở Tài chính về việc kiện toàn Hội đồng định giá tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi tắt là Hội đồng).

Căn cứ danh mục tài sản thẩm định giá và các hồ sơ, tài liệu liên quan do Thị hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh cung cấp tại Quyết định số 770/QĐ-THADS ngày 08/12/2025, số 887/QĐTHADS ngày 17/12/2025.

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng thẩm định giá của Nhà nước ngày 03/3/2026;

Căn cứ Báo cáo thuyết minh, giải trình của Hội đồng thẩm định giá ngày 03/3/2026;

Hội đồng thẩm định giá của Nhà nước thường xuyên cấp tỉnh có văn bản trả lời kết quả thẩm định giá tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân của Sở Tài chính như sau:

1. Tài sản thẩm định giá:

Tài sản là vàng-99.99 (Chi tiết tài sản thẩm định Căn cứ danh mục tài sản thẩm định giá và các hồ sơ, tài liệu liên quan do Thị hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh cung cấp tại Quyết định số 770/QĐ-THADS ngày 08/12/2025, số 887/QĐTHADS ngày 17/12/2025).

Qua khảo sát giá tại các cửa hàng vàng trên địa bàn Hà Tĩnh và tỉnh lân cận thì các cửa hàng niêm yết giá theo hàm lượng vàng, không phân biệt trọng lượng, khối lượng vàng; theo đó, căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN quy định về quản lý, đo lường trong kinh doanh vàng thì các loại vàng trên là vàng đạt 99.9 %.

2. Thời điểm thẩm định giá: Tại thời điểm tháng 3 năm 2026

3. Mục đích thẩm định giá: Xác định giá bán của tài sản thẩm định giá để Sở Tài chính làm cơ sở bán tài sản theo hình thức niêm yết giá theo quy định hiện hành.

4. Cơ sở thẩm định giá:

4.1. Các căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023; Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm định giá, phạm vi công việc thẩm định giá, cơ sở giá trị thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá; Căn cứ Thông tư 31/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thu thập và phân tích thông tin về tài sản thẩm định giá; Căn cứ Thông tư 32/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về cách tiếp cận từ thị trường, cách tiếp cận từ chi phí, cách tiếp cận từ thu nhập;

- Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

- Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 01/11/2025 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

- Căn cứ các Quyết định: số 770/QĐ-THADS ngày 08/12/2025, số 887/QĐTHADS ngày 17/12/2025 của Trưởng Thị hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;

- Căn cứ Văn bản số 1021/UBND-TH5 ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

- Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-STC ngày 05/02/2026 của Giám đốc Sở Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

- Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-STC ngày 25/02/2026 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Quyết định số 1038/QĐ-STC ngày 26/02/2026 của Giám đốc Sở Tài chính về việc kiện toàn Hội đồng định giá tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4.2. Cơ sở thẩm định giá:

Căn cứ vào mục đích thẩm định giá, đặc điểm cơ bản về pháp lý, kinh tế - kỹ thuật và đặc điểm thị trường của tài sản thẩm định giá Hội đồng thẩm định giá Nhà nước xác định cơ sở giá trị của thẩm định giá là giá trị thị trường của tài sản (Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 32/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

4.3. Căn cứ xác định giá trị tài sản:

* Danh mục tài sản thẩm định giá và các hồ sơ, tài liệu liên quan do Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh cung cấp tại Quyết định số 770/QĐ-THADS ngày 08/12/2025, số 887/QĐTHADS ngày 17/12/2025.

* Phiếu điều tra khảo sát giá do Hội đồng trực tiếp đi khảo sát:

- Công ty TNHH vàng bạc Kiều Ngọc; địa chỉ: số 06, đường Nguyễn Công Trứ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm ngày 27/02/2026 với giá mua vào là 17.050.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra là 17.200.000 đồng/1 chỉ;

- Công ty TNHH vàng bạc Việt Hà; địa chỉ: số 08, đường Nguyễn Công Trứ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm ngày 27/02/2026 với giá mua vào là 17.000.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra là 17.100.000 đồng/1 chỉ;

- Công ty TNHH vàng bạc Thanh Hoa; địa chỉ: số 02, đường Nguyễn Công Trứ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm ngày 27/02/2026 với giá mua vào là 17.000.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra là 17.200.000 đồng/1 chỉ;

- Công ty TNHH vàng bạc Ngọc Hà; địa chỉ: số 01, đường Nguyễn Công Trứ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm ngày 27/02/2026 với giá mua vào là 17.000.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra là 17.100.000 đồng/1 chỉ;

- Công ty TNHH vàng bạc Kim Thành Huy; địa chỉ: số 03, đường Cao Thắng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An tại thời điểm ngày 27/02/2026 với giá mua vào là 17.100.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra là 17.300.000 đồng/1 chỉ;

- Công ty TNHH Trường Duy Lợi; địa chỉ: số 01B, đường Cao Thắng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An tại thời điểm ngày 27/02/2026 với giá mua vào là 16.950.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra là 17.350.000 đồng/1 chỉ;

- Công ty TNHH vàng bạc Phú Nguyên; địa chỉ: số 17, đường Cao Thắng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An tại thời điểm ngày 27/02/2026 với giá mua vào là 17.000.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra là 17.300.000 đồng/1 chỉ;

- Công ty TNHH vàng bạc Kiều Ngọc; địa chỉ: số 06, đường Nguyễn Công Trứ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm ngày 02/3/2026 với giá mua vào là 17.650.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra là 17.800.000 đồng/1 chỉ;

- Công ty TNHH vàng bạc Ngọc Hà; địa chỉ: số 01, đường Nguyễn Công Trứ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm ngày 02/3/2026 với giá mua vào là 17.650.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra là 17.800.000 đồng/1 chỉ;

- Công ty TNHH vàng bạc Kim Hoàn; địa chỉ: số 01, đường Nguyễn Công Trứ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm ngày 02/3/2026 với giá mua vào là 17.400.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra là 17.800.000 đồng/1 chỉ;

* Tham khảo kết quả mua sắm đã thực hiện trong thời gian gần nhất của các địa phương khác (nếu có): Không có thông tin.

* Tham khảo thông tin trên các cổng thông tin điện tử <https://muasamcong.mpi.gov.vn> của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Không có thông tin.

* Tham khảo thông tin trang Đấu thầu info về công khai kết quả đấu thầu: Không có thông tin.

5. Cách tiếp cận thị trường:

5.1. Căn cứ vào danh mục, số lượng, tính chất của tài sản thẩm định giá, Hội đồng thẩm định giá xác định những nội dung căn bản theo các bước của quy trình thẩm định giá được quy định tại Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Phạm vi công việc thẩm định giá (Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính). Hội đồng thống nhất sử dụng phương pháp so sánh để thực hiện thẩm định giá.

5.2. Lý do sử dụng một phương pháp thẩm định:

- Hội đồng không đủ thông tin để áp dụng phương pháp thẩm định giá thứ 2 là phương pháp chi phí. Vì: Tổ công tác không có điều kiện để thu thập thông tin hoặc yêu cầu cung cấp về chi phí tạo ra một mặt hàng có chức năng, công dụng giống hệt hoặc tương tự với mặt hàng thẩm định giá và hao mòn của tài sản thẩm định giá nên không thể áp dụng cách tiếp cận từ chi phí để xác định kết quả về giá của mặt hàng; Tổ cũng không đủ thông tin để thực hiện phương pháp thu nhập vì Tổ không thu thập được thông tin, không có cách thức xác định được giá trị của hàng hóa thông qua việc quy đổi dòng tiền trong tương lai có được từ hàng hóa về giá trị hiện tại hoặc yêu cầu cung cấp thông tin về thu nhập của các tài sản tạo ra để áp dụng cách tiếp cận từ thu nhập để xác định về giá của các mặt hàng.

- Bên cạnh đó, vàng là loại tài sản được cung cấp phổ biến trên thị trường, Hội đồng thẩm định giá được cung cấp, thu thập nhiều thông tin, số liệu về giá chào mua, chào bán của các doanh nghiệp kinh doanh trên thị trường. Do vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Phạm vi công việc thẩm định giá, Hội đồng thẩm định giá chỉ sử dụng một phương pháp so sánh làm phương pháp thẩm định giá đối với tài sản này.

6. Giá trị tài sản thẩm định giá:

6.1. Trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu do Sở Tài chính thu thập, với phương pháp thẩm định giá là phương pháp so sánh được áp dụng trong tính toán, Hội đồng thẩm định giá thông báo kết quả thẩm định giá giá vàng, tại thời điểm tháng 03/2026 đối với 26 miếng kim loại màu vàng với khối lượng 25.908,9 gam; đối với 04 dây kim loại màu vàng với khối lượng 2.952,5 gam; đối với 04 miếng kim loại màu vàng, mặt mỗi miếng khắc, chạm hình rồng với khối lượng là 1.074,2 gam (tương đương 7.982,83 chỉ) là 142.094.314.667 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai tỷ, không trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm mười bốn ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*), chi tiết có danh mục kèm theo.

6.2. Các điều kiện đi kèm kết quả thẩm định giá:

- Mức giá trên là mức giá chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí khác. Mức giá trên chỉ áp dụng cho đúng số lượng, khối lượng với đặc điểm, quy cách, thông số kỹ thuật đã nêu trên, không áp dụng cho số lượng khác.

- Mức giá trên là mức giá tối đa của tài sản làm cơ sở để Sở Tài chính tổ chức thực hiện bán niêm yết giá theo quy định của pháp luật. Quá trình tổ chức bán, Chủ đầu tư cần đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.

- Kết quả thẩm định giá được hoàn thành trong điều kiện giới hạn bởi hồ sơ tài liệu và các thông tin thị trường mà Hội đồng thu thập được trong quá trình thẩm định giá. Hội đồng không phải là đối tượng trực tiếp mua, bán tài sản, không thương thảo mua, bán với nhà cung cấp, không chịu trách nhiệm xem xét các khoản khuyến mại, giảm giá, chiết khấu hay bất kỳ hoạt động mang tính kỹ thuật thương mại tương tự nào khác thuộc thẩm quyền quyết định của các đơn vị bán hàng theo từng thời điểm, địa điểm cụ thể hoặc trao đổi mua bán trong điều kiện khác thường hoặc đơn vị cung ứng có tính độc quyền, cạnh tranh trên thị trường không lành mạnh, ảnh hưởng đến giá cả.

7. Những hạn chế của kết quả thẩm định giá:

- Mức giá nêu trên được xác định trên cơ sở hồ sơ do Thị hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh cung cấp tại Quyết định số 770/QĐ-THADS ngày 08/12/2025, số 887/QĐTHADS ngày 17/12/2025

- Kết quả điều tra, khảo giá của Hội đồng được hoàn thành trong điều kiện giới hạn bởi hồ sơ tài liệu và các thông tin thị trường mà Tổ công tác thu thập được trong quá trình thẩm định giá; ngoài các phiếu điều tra, thu thập được thì Hội đồng không thu thập thêm được phiếu khảo sát khác và giá trên chưa bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan khác.

- Đến thời điểm Hội đồng kết luận thẩm định giá không tìm thấy thêm thông tin về kết quả trúng đấu thầu của tài sản cần định giá trên các trang mạng mua sắm công, tài sản công, đấu thầu info...vv.. về công khai kết quả đấu thầu; Hội đồng không phải là đối tượng trực tiếp mua, bán tài sản, không thương thảo mua, bán với nhà cung cấp, không chịu trách nhiệm xem xét các khoản khuyến mại, giảm giá, chiết khấu hay bất kỳ hoạt động mang tính kỹ thuật thương mại tương tự nào khác thuộc thẩm quyền quyết định của các đơn vị bán hàng theo từng thời điểm, địa điểm cụ thể hoặc trao đổi mua bán trong điều kiện khác thường hoặc đơn vị cung ứng có tính độc quyền, cạnh tranh trên thị trường không lành mạnh, ảnh hưởng đến giá cả.

- Các thông tin khảo sát thị trường tại thời điểm định giá, trên cơ sở các giao dịch thực tế trong điều kiện thương mại bình thường. Trong trường hợp thị trường có biến động lớn về giá thì cần phải có điều chỉnh, cập nhật phù hợp theo quy định hiện hành.

- Phương pháp so sánh trực tiếp chủ yếu dựa vào các dữ liệu mang tính lịch sử. Vì vậy, dễ trở nên lạc hậu khi thị trường biến động. Kết quả điều tra khảo sát giá của Hội đồng không phản ánh mức độ rủi ro của thị trường.

- Kết quả thẩm định giá chỉ có hiệu lực trong vòng 01 tháng kể từ ngày ban hành, chỉ được sử dụng cho mục đích thẩm định giá nêu trên.

Hội đồng thẩm định giá của Nhà nước trả lời về kết quả thẩm định giá đề Sở Tài chính có cơ sở thực hiện các thủ tục tiếp theo để bán niêm yết tài sản theo quy định pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên Hội đồng;
- Lưu: VT, GCS, HĐTĐG.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁ



TRƯỞNG PHÒNG GIÁ VÀ CÔNG SẢN
Trần Anh Quân

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

STT	Họ và tên	Chức danh Hội đồng	Chữ ký
1	Ông: Nguyễn Thế Công	Thành viên thường trực	
2	Bà: Bùi Thị Tố Na	Thư ký	
3	Bà: Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên	
4	Bà: Võ Thị Dung	Thành viên	
5	Ông: Phan Thái Dương	Thành viên	
6	Bà: Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên	
7	Ông: Trần Đình Danh	Thành viên	

PHỤ LỤC

Kết quả rà soát, thu thập về giá vàng

Kiểm theo Thông báo số 6/KL-HETD/C ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng thẩm định giá tài sản được xác lập quyền sở hữu (tài sản)

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Quy đổi ra chỉ	Thông tin Hội đồng khảo sát, thu thập ngày 27/02/2026												Thông tin Hội đồng Khảo sát, thu thập ngày 2/3/2026						Giá do Hội đồng kết luận			
					Công ty TNHH vàng bạc Kiều Ngọc	Công ty TNHH vàng bạc Việt Hà	Công ty TNHH vàng bạc Thành Hoa	Công ty TNHH vàng bạc Ngọc Hà	Công ty TNHH vàng bạc Kim Thành Huy	Công ty Cổ phần Trường Đại Lợi	Công ty TNHH vàng bạc Phú Nguyễn	Công ty TNHH vàng bạc Kiều Ngọc	Công ty TNHH vàng bạc Việt Hà	Công ty TNHH vàng bạc Kim Hoàn	Số lượng (ch)	Đơn giá theo giá bán ra	Thành tiền									
1	Miếng kim loại màu vàng, là vàng tinh khiết (Au), có hàm lượng vàng là 99,93 %	Gam	5.974,9	1.594,11	17.050.000	17.250.000	17.000.000	17.100.000	17.000.000	17.200.000	17.000.000	17.100.000	17.100.000	17.300.000	17.350.000	17.000.000	17.300.000	17.650.000	17.800.000	17.650.000	17.800.000	17.400.000	17.800.000	1.594,11	17.800.000	28.375.098,667
2	Miếng kim loại màu vàng, là vàng tinh khiết (Au), có hàm lượng vàng là 99,90 %	Gam	7.971,6	2.125,76	17.050.000	17.250.000	17.000.000	17.100.000	17.000.000	17.200.000	17.000.000	17.100.000	17.100.000	17.300.000	17.350.000	17.000.000	17.300.000	17.650.000	17.800.000	17.650.000	17.800.000	17.400.000	17.800.000	2.125,76	17.800.000	37.858.528,000
3	Miếng kim loại màu vàng, là vàng tinh khiết (Au), có hàm lượng vàng là 99,91 %	Gam	1.991,6	531,09	17.050.000	17.250.000	17.000.000	17.100.000	17.000.000	17.200.000	17.000.000	17.100.000	17.100.000	17.300.000	17.350.000	17.000.000	17.300.000	17.650.000	17.800.000	17.650.000	17.800.000	17.400.000	17.800.000	531,09	17.800.000	9.453.461,333
4	Miếng kim loại màu vàng, là vàng tinh khiết (Au), có hàm lượng vàng là 99,92 %	Gam	3.986,7	1.065,12	17.050.000	17.250.000	17.000.000	17.100.000	17.000.000	17.200.000	17.000.000	17.100.000	17.100.000	17.300.000	17.350.000	17.000.000	17.300.000	17.650.000	17.800.000	17.650.000	17.800.000	17.400.000	17.800.000	1.065,12	17.800.000	18.923.536,000
5	Miếng kim loại màu vàng, là vàng tinh khiết (Au), có hàm lượng vàng là 99,94 %	Gam	5.981,1	1.594,96	17.050.000	17.250.000	17.000.000	17.100.000	17.000.000	17.200.000	17.000.000	17.100.000	17.100.000	17.300.000	17.350.000	17.000.000	17.300.000	17.650.000	17.800.000	17.650.000	17.800.000	17.400.000	17.800.000	1.594,96	17.800.000	28.390.288,000
6	Dây kim loại màu vàng, đều là vàng tinh khiết (Au), có hàm lượng vàng 99,93	Gam	719,2	191,79	17.050.000	17.250.000	17.000.000	17.100.000	17.000.000	17.200.000	17.000.000	17.100.000	17.100.000	17.300.000	17.350.000	17.000.000	17.300.000	17.650.000	17.800.000	17.650.000	17.800.000	17.400.000	17.800.000	191,79	17.800.000	3.413.802,667
7	Dây kim loại màu vàng, đều là vàng tinh khiết (Au), có hàm lượng vàng 99,92	Gam	1.466,3	391,01	17.050.000	17.250.000	17.000.000	17.100.000	17.000.000	17.200.000	17.000.000	17.100.000	17.100.000	17.300.000	17.350.000	17.000.000	17.300.000	17.650.000	17.800.000	17.650.000	17.800.000	17.400.000	17.800.000	391,01	17.800.000	6.960.037,333
8	Dây kim loại màu vàng, đều là vàng tinh khiết (Au), có hàm lượng vàng 99,91	Gam	767	204,53	17.050.000	17.250.000	17.000.000	17.100.000	17.000.000	17.200.000	17.000.000	17.100.000	17.100.000	17.300.000	17.350.000	17.000.000	17.300.000	17.650.000	17.800.000	17.650.000	17.800.000	17.400.000	17.800.000	204,53	17.800.000	3.640.693,333
9	Miếng kim loại màu vàng, mặt mỗi miếng khác, chạm hình rồng, đều là vàng tinh khiết (Au), có hàm lượng vàng 99,93	Gam	532,7	142,05	17.050.000	17.250.000	17.000.000	17.100.000	17.000.000	17.200.000	17.000.000	17.100.000	17.100.000	17.300.000	17.350.000	17.000.000	17.300.000	17.650.000	17.800.000	17.650.000	17.800.000	17.400.000	17.800.000	142,05	17.800.000	2.528.549,333
10	Miếng kim loại màu vàng, mặt mỗi miếng khác, chạm hình rồng, đều là vàng tinh khiết (Au), có hàm lượng vàng 99,90	Gam	276,4	73,71	17.050.000	17.250.000	17.000.000	17.100.000	17.000.000	17.200.000	17.000.000	17.100.000	17.100.000	17.300.000	17.350.000	17.000.000	17.300.000	17.650.000	17.800.000	17.650.000	17.800.000	17.400.000	17.800.000	73,71	17.800.000	1.311.978,667
11	Miếng kim loại màu vàng, mặt mỗi miếng khác, chạm hình rồng, đều là vàng tinh khiết (Au), có hàm lượng vàng 99,92	Gam	265,1	70,69	17.050.000	17.250.000	17.000.000	17.100.000	17.000.000	17.200.000	17.000.000	17.100.000	17.100.000	17.300.000	17.350.000	17.000.000	17.300.000	17.650.000	17.800.000	17.650.000	17.800.000	17.400.000	17.800.000	70,69	17.800.000	1.258.341,333
Tổng cộng				29.955,6	7.982,83													7.982,83	17.800.000	142.094.514,667						

Mặt trên bên dưới hai tỷ, không trên chín dưới tư triệu, ba trên dưới bốn ngàn, sáu trên sáu dưới bảy đồng

Một trăm bốn mươi hai tỷ, không trăm chín mươi tư triệu, ba trăm mười bốn ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng.